

Bản án số: 116/2024/HNGĐ- ST

Ngày 20/12/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Hồng Văn

2. Ông Nguyễn Văn Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 291/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1987; nơi ĐKKH: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Giáp Văn M, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; hiện đang chấp hành án tại: Đ, phân trại số B, Trại Giam N, tổng cục V1, Bộ C; địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 22/6/2010, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm, anh M thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Từ đó dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, gia đình có biết việc anh M chơi bời, cờ bạc nhưng cũng không có khuyên bảo gì.

Năm 2018, anh M bị bắt về tội Buôn bán hàng cấm, sau đó Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xử phạt 10 năm 09 tháng tù. Anh M bị bắt giam và đi thi hành án từ đó đến nay, hiện nay đang cả tạo tại Đội 27, phân trại số 2 của Trại giam N. Từ đó, vợ chồng xa cách tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa, thi thoảng chị có đi thăm gặp anh M nhưng anh chị cũng không tìm được tiếng nói chung. Chị đã nói chuyện với anh M về việc chị sẽ làm đơn ly hôn và anh M cũng đồng ý. Gia đình hai bên cũng không có dàn xếp gì cho vợ chồng anh chị.

Hiện nay, chị đã đưa hai con về nhà để ở thôn T, xã B để sống. Anh chị chính thức ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh chị không thể tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Văn M.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Giáp Thị M1, sinh ngày 13/3/2011 và Giáp Văn Tuấn K, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị, nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung vì hiện nay anh M đang đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Chị đã được nghe Tòa án giải thích việc cấp dưỡng nuôi con chung là để đảm bảo quyền lợi của con chung. Nhưng hiện nay anh M đang đi chấp hành án phạt tù nên việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là không thể. Vì vậy, chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Công việc hiện nay của chị là công nhân, lương hàng tháng khoảng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Với mức lương như vậy thì chị đảm bảo được đời sống của con chung.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Trần Thị T không còn yêu cầu nào khác.

* *Theo bản tự khai, bị đơn là anh Giáp Văn M trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị T kết hôn ngày 22/6/2020, trước khi kết hôn anh chị tự nguyện tìm hiểu nhau và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống với nhau tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng thời gian tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và mẹ anh, do anh đang chấp hành án phạt tù nên giữa anh và chị T không tìm được tiếng nói chung. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị Trần Thị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Giáp Thị M1, sinh ngày 13/3/2011 và Giáp Văn Tuấn K, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị T. Nếu ly hôn anh đề nghị giao 02 con chung cho chị T để nuôi dưỡng cho đến khi anh chấp xong án phạt tù trở về địa phương. Đối với việc cấp dưỡng nuôi dưỡng 02 con chung do anh đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để cấp dưỡng cho 02 con chung.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị không có vướng mắc gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù về tội Buôn bán hàng cấm, bị xử phạt 10 năm 09 tháng tù do Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử và anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N có địa chỉ tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Nay vụ việc đang được giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thì anh không tham gia tố tụng tại Tòa án được. Anh đã viết đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ngoài ra, anh Giáp Văn M không còn ý kiến nào khác.

- Ngày 15 tháng 11 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Giáp Văn M có đơn xin vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Tại phiên tòa ngày 20 tháng 12 năm 2024, chị Trần Thị T và anh Giáp Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Giáp Văn M.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi hai con chung là Giáp Thị M1, sinh ngày 13/3/2011 và Giáp Văn Tuấn K, sinh ngày 20/9/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Trần Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Giáp Văn M đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T và anh Giáp Văn M có địa chỉ tại xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào **khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị T có đơn xin ly hôn với anh Giáp Văn M và đề nghị giải quyết về con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Giáp Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 22/6/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống anh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh chị không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm, anh M thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Năm 2018, anh M bị bắt về tội Buôn bán hàng cấm, sau đó Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xử phạt 10 năm 09 tháng tù. Từ đó, vợ chồng xa cách tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa, thi thoảng chị có đi thăm gặp anh M nhưng anh chị cũng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Theo anh M thì khoảng tháng 8 năm 2024 thì giữa chị T và mẹ anh có phát sinh mâu thuẫn, do anh đang chấp hành án phạt tù nên giữa anh và chị T không tìm được tiếng nói chung. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị Trần Thị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Chị T và anh M có hai con chung là Giáp Thị M1, sinh ngày 13/3/2011 và Giáp Văn Tuấn K, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị T. Nay ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi hai con chung, anh M đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi hai con chung, hai con chung có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị T.

Xét thấy: Đề nghị của chị T và anh M là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do vậy, cần giao hai con chung là Giáp Thị M1, sinh ngày 13/3/2011 và Giáp Văn Tuấn K, sinh ngày 20/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T và anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Giáp Văn M.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi hai con chung là Giáp Thị M1, sinh ngày 13/3/2011 và Giáp Văn Tuấn K, sinh ngày 20/9/2015.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0008456 ngày 08/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Hồng V- Nguyễn Văn Chấn Nguyễn Ngọc O

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu HS, Vp.

Nguyễn Ngọc Oanh

